

Ảnh hưởng của chuyển dịch cơ cấu ngành đến tăng trưởng kinh tế Lào Cai

Bùi Thị Thanh*, Nguyễn Thị Ngọc Hà

Trường Cao đẳng Lào Cai, tổ 19 Bắc Cường, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Ngày nhận bài 14/4/2025; ngày chuyển phản biện 17/4/2025; ngày nhận phản biện 29/4/2025; ngày chấp nhận đăng 8/5/2025

Tóm tắt:

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu và sự chuyển dịch cơ cấu ngành đang diễn ra mạnh mẽ tại nhiều quốc gia, bài báo nghiên cứu ảnh hưởng của quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành đến tăng trưởng kinh tế tỉnh Lào Cai, thông qua mô hình vector tự hồi quy (VAR). Dựa trên bộ dữ liệu từ năm 1995 đến 2023, kết quả chỉ ra rằng, chuyển dịch cơ cấu ngành bắt đầu tác động rõ rệt đến tăng trưởng kinh tế Lào Cai từ năm thứ hai trở đi. Trong ba khu vực, ngành dịch vụ có vai trò chủ đạo, thể hiện ảnh hưởng mạnh nhất ở năm thứ ba và thứ tư, sau đó ổn định từ năm thứ năm. Ngành công nghiệp - xây dựng và nông - lâm - thủy sản tuy có ảnh hưởng nhưng mức độ không lớn. Mô hình VAR cho thấy tính phù hợp và độ tin cậy cao trong việc phân tích mối quan hệ nội sinh giữa các ngành kinh tế. Các phát hiện của nghiên cứu cung cấp cơ sở khoa học quan trọng cho việc hoạch định chính sách phát triển kinh tế địa phương, đồng thời khuyến nghị điều chỉnh cơ cấu ngành phù hợp để thúc đẩy tăng trưởng bền vững tại Lào Cai. Bài báo cũng kiến nghị việc thực hiện các điều chỉnh cơ cấu một cách chủ động, ưu tiên phát triển khu vực dịch vụ, tích hợp các phương pháp canh tác nông nghiệp hiện đại và tối ưu hóa tăng trưởng công nghiệp, nhằm đạt được sự phát triển kinh tế bền vững, lâu dài, phù hợp với điều kiện đặc thù của tỉnh Lào Cai.

Từ khóa: chuyển dịch cơ cấu ngành, mô hình vector tự hồi quy, tăng trưởng kinh tế.

Chỉ số phân loại: 5.2, 5.13

The impact of industrial restructuring on Lao Cai's economic growth

Thi Thanh Bui*, Thi Ngoc Ha Nguyen

Lao Cai College, Group 19 Bac Cuong, Cam Duong Ward, Lao Cai Province, Vietnam

Received 14 April 2025; revised 29 April 2025; accepted 8 May 2025

Abstract:

In the context of global economic integration and the ongoing structural transformation of industries across many countries, this study analyses the impact of industrial restructuring on economic growth in Lao Cai province using the vector autoregression (VAR) model. Drawing on statistical data from 1995 to 2023, the findings reveal that industrial restructuring begins to exert a clear effect on Lao Cai's economic growth from the second year onwards. Among the three economic sectors, the service sector plays a dominant role, with its influence peaking in the third and fourth years before stabilising from the fifth year. The industry-construction and agriculture-forestry-fishery sectors also have certain impacts, although their magnitudes remain relatively modest. The VAR model proves appropriate and statistically reliable in capturing the endogenous relationships among economic sectors. The findings provide an important scientific basis for local economic policy formulation, while also recommending appropriate adjustments to the industrial structure to promote sustainable growth in Lao Cai. The study further recommends implementing proactive structural adjustments that prioritise the development of the service sector, the integration of modern agricultural practices, and the optimisation of industrial growth in order to achieve long-term, sustainable economic development tailored to Lao Cai's unique conditions.

Keywords: economic growth, industrial restructuring, vector autoregression model.

Classification numbers: 5.2, 5.13

*Tác giả liên hệ: Email: thanhkkt2009@gmail.com

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế, cơ cấu ngành phản ánh chất lượng, khả năng thích ứng và mức độ hội nhập của một quốc gia trong nền kinh tế quốc tế. Điều chỉnh cơ cấu ngành phù hợp với thực tiễn là vấn đề, thách thức mà mỗi quốc gia, khu vực phải đối mặt. Nền kinh tế Việt Nam chuyển đổi từ quản lý tập trung sang cơ chế thị trường với xu hướng giảm dần tỷ trọng ngành nông nghiệp, tăng tỷ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ. Theo số liệu thống kê năm 1986 và năm 2023 của Cục Thống kê [1] cho thấy, tỷ trọng của các ngành có sự thay đổi như sau: ngành nông nghiệp giảm từ 38,06 xuống 11,96%; ngành công nghiệp, xây dựng tăng từ 33,06 lên 42,54%...

Tại Lào Cai, theo số liệu của Cục Thống kê tỉnh, tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản giảm từ 50,8% (năm 1995) xuống còn 13,0% (năm 2023); ngành công nghiệp và xây dựng tăng từ 8,1% (năm 1995) lên 40,9% (năm 2023); ngành dịch vụ tăng từ 41,1% (năm 1995) lên 46,1% (năm 2023). Việc điều chỉnh cơ cấu ngành như vậy là phù hợp với thực tiễn tăng trưởng kinh tế Việt Nam, nhưng liệu điều đó có phù hợp với thực tiễn tăng trưởng kinh tế của các tỉnh, đặc biệt là tỉnh Lào Cai hay không là vấn đề cần được nghiên cứu sâu hơn.

Các công trình nghiên cứu trước đây thường sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính, thông qua việc quan sát số liệu để đưa ra các nhận định, đánh giá; tuy nhiên, với phương pháp này, các kết quả đánh giá thường bị phụ thuộc vào người quan sát. Do vậy, việc sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng, ứng dụng các mô hình kinh tế lượng trong nghiên cứu đang ngày càng trở nên phổ biến. Nhiều công trình nghiên cứu đã ứng dụng mô hình kinh tế lượng trong nghiên cứu mối quan hệ giữa chuyển dịch cơ cấu ngành và tăng trưởng kinh tế ở cấp quốc gia như: Y. Yi (2021) [2] sử dụng mô hình GMM (generalized method of moments - phương pháp tổng quát thời điểm); W.H. Ying và cs (2010) [3] đã sử dụng mô hình dữ liệu bảng, dựa trên dữ liệu của 29 tỉnh Trung Quốc trong giai đoạn 1978-2007. Kết quả nghiên cứu cho thấy, chuyển dịch cơ cấu ngành có ảnh hưởng trực tiếp đến tăng trưởng kinh tế Trung Quốc. Ở Việt Nam, N.T.L. Huong (2012) [4] thông qua phương pháp hạch toán tăng trưởng đã lượng hóa sự ảnh hưởng của chuyển dịch cơ cấu đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam. Ở cấp tỉnh, thành phố, N.T. Son (2023) [5] sử dụng phương pháp ước lượng 3SLS để nghiên cứu chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế và tăng trưởng kinh tế tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2000-2019; M.V. Tan (2014) [6] sử dụng dữ liệu mảng (panel data), dựa trên nghiên cứu của M.R. Peneder (2003) [7] để xây dựng mô hình đánh giá tác động của chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế đến tăng trưởng kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

Nhìn chung, tùy thuộc vào đặc điểm của từng quốc gia, từng khu vực, tỉnh, thành phố, sẽ có mô hình đánh giá phù hợp. Với đặc điểm về vị trí địa lý, kinh tế, văn hóa - xã hội của tỉnh Lào Cai như hiện nay, vẫn chưa có công trình nghiên cứu nào chỉ ra được mô hình kinh tế phù hợp để đánh giá ảnh hưởng của quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành đến tăng trưởng kinh tế Lào Cai. Do đó, các tác giả sử dụng mô hình VAR để đánh giá sự ảnh hưởng này.

2. Thực trạng quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành đến tăng trưởng kinh tế Lào Cai

Cùng với sự phát triển mạnh mẽ về lực lượng sản xuất, chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ngày càng nhanh và tác động trực tiếp đến sự phát triển của kinh tế - xã hội. Kết quả từ mô hình VAR cho thấy, đối với nền kinh tế Lào Cai, quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp và xây dựng có ít tác động đến nền kinh tế của tỉnh. Kinh tế Lào Cai chịu tác động chủ yếu từ quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành nông - lâm - thủy sản và ngành dịch vụ, trong đó, một sự thay đổi nhỏ từ ngành dịch vụ sẽ tác động mạnh đến nền kinh tế Lào Cai.

2.1. Đối với ngành nông - lâm - thủy sản

Tính đến hết năm 2023, tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản chiếm 13% cơ cấu ngành của tỉnh. Sự ảnh hưởng của quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành này đến nền kinh tế Lào Cai được thể hiện ở tăng trưởng dương vào năm thứ 2, 5 và tăng trưởng âm vào năm thứ 3, 7, sau đó đi vào ổn định và từ năm thứ 9 trở đi không còn tác động nữa.

2.2. Đối với ngành công nghiệp và xây dựng

Tỷ trọng của ngành công nghiệp và xây dựng chiếm 40,9% trong cơ cấu ngành, tính đến hết năm 2023. Quá trình chuyển dịch của ngành này sẽ làm cho tăng trưởng kinh tế Lào Cai giảm nhẹ từ năm thứ 2 đến năm thứ 5, sau đó tăng trưởng dần và đi vào ổn định, từ năm thứ 9 trở đi không còn tác động.

2.3. Đối với ngành dịch vụ

Tính đến hết năm 2023, tỷ trọng của ngành dịch vụ chiếm 46,1% trong cơ cấu ngành. Tăng trưởng kinh tế Lào Cai chủ yếu phụ thuộc vào ngành dịch vụ, tiềm năng của ngành là rất lớn và vẫn còn chưa được khai thác triệt để. Ảnh hưởng của quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành dịch vụ đến tăng trưởng kinh tế Lào Cai bắt đầu ở năm thứ 2 và thể hiện rõ nhất ở năm thứ 3, sau đó dần đi vào ổn định, đến năm thứ 9 trở đi là không còn tác động.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Dữ liệu

Bài báo thông qua số liệu của Cục Thống kê tỉnh Lào Cai từ năm 1995 đến năm 2023; sử dụng hàm logarit của tổng sản phẩm trên địa bàn (LGRDP) làm chỉ số phản ánh tăng

trường kinh tế Lào Cai; dùng hàm logarit tổng sản phẩm trên địa bàn ở các khu vực nông - lâm nghiệp và thủy sản (LNLT), khu vực công nghiệp - xây dựng (LCX), khu vực dịch vụ (LDV) làm chỉ số phản ánh chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế.

3.2. Mô hình vector tự hồi quy

Mô hình nghiên cứu được mô tả như sau:

$$LGRDP = f(LNLT, LCX, LDV)$$

trong đó: LGRDP là tổng sản phẩm trên địa bàn; LNLT là khu vực nông - lâm nghiệp và thủy sản; LCX là khu vực công nghiệp - xây dựng; LDV là khu vực dịch vụ.

Do bản thân các biến số có thể tồn tại mối quan hệ nội sinh với nhau nên bài báo sử dụng VAR để nghiên cứu. Dạng tổng quát của mô hình như sau:

$$Y_t = \alpha + \alpha_1 Y_{t-1} + u_t$$

trong đó: Y_t là giá trị của chuỗi thời gian tại thời điểm t ; α là hằng số; Y_{t-1} là giá trị của chuỗi thời gian trong quá khứ; u_t là sai số nhiễu thuần.

4. Kết quả và bàn luận

4.1. Kiểm tra tính dừng

Khi sử dụng các mô hình kinh tế để phân tích chuỗi dữ liệu theo thời gian, muốn có kết quả chính xác và tránh hiện tượng “hồi quy giả” thì các biến phải có tính ổn định, do đó, việc kiểm tra tính dừng của chuỗi thời gian là một trong những yêu cầu bắt buộc. Bài báo sử dụng kiểm định Dickey - Fuller (ADF) để kiểm tra tính dừng của các biến trong mô hình (bảng 1). Kết quả bảng 1 cho thấy, tất cả các biến dừng ở sai phân bậc 2.

Bảng 1. Kết quả kiểm định nghiệm đơn vị.

Biến	Giá trị thống kê sử dụng kiểm định Dickey - Fuller	Xác suất	Giá trị tới hạn (%)			Trạng thái
			1	5	10	
1. Chuỗi gốc						
LGRDP	0,223013	0,9970	-4,323979	-3,580622	-3,225334	Không dừng
LNLT	-1,402125	0,8380	-4,323979	-3,580622	-3,225334	Không dừng
LCX	-0,119083	0,9918	-4,323979	-3,580622	-3,225334	Không dừng
LDV	-0,421228	0,9815	-4,323979	-3,580622	-3,225334	Không dừng
2. Sai phân bậc 2						
DDLGRDP	-6,406985	0,0000	-2,660720	-1,955020	-1,609070	Dừng
DDLNLT	-6,232730	0,0000	-2,660720	-1,955020	-1,609070	Dừng
DDL CX	-6,800486	0,0000	-2,660720	-1,955020	-1,609070	Dừng
DDL DV	-7,293255	0,0000	-2,656915	-1,954414	-1,609329	Dừng

LGRDP là tổng sản phẩm trên địa bàn; LNLT là khu vực nông - lâm nghiệp và thủy sản; LCX là khu vực công nghiệp - xây dựng; LDV là khu vực dịch vụ; DD là giá trị của các biến ở sai phân bậc 2.

4.2. Chọn độ trễ tối ưu

Để có thể thiết lập được mô hình VAR, trước tiên, các biến nghiên cứu phải có tính dừng, thứ hai phải chọn được độ trễ tối ưu cho mô hình. Bài báo dựa trên kiểm định log-likelihood để lựa chọn độ trễ tối ưu cho mô hình nghiên cứu, kết quả ở bảng 2.

Bảng 2. Độ trễ tối ưu của mô hình nghiên cứu. Nguồn: Ước lượng từ mô hình.

Độ trễ (Lag)	LogL	Kiểm định (LR)	Lỗi dự báo cuối cùng (FPE)	Tiêu chuẩn (AIC)	Tiêu chuẩn (SC)	Tiêu chuẩn (HQ)
0	75.79907	NA	3.76e-08	-5.743925	-5.548905*	-5.689835
1	85.65489	15.76931	6.29e-08	-5.252391	-4.277290	-4.981940
2	118.2471	41.71803*	1.87e-08*	-6.579768	-4.824587	-6.092955*
3	135.3074	16.37784	2.35e-08	-6.664588*	-4.129327	-5.961415

Các giá trị kiểm định LR (Likelihood), FPE (Final prediction error), HQ (Hannan-Quinn information criterion) ở bảng 2 đều gợi ý độ trễ tối ưu của mô hình là 2. Do đó, bài báo lựa chọn độ trễ tối ưu của mô hình nghiên cứu là 2.

4.3. Thiết lập mô hình VAR

Kết quả mô hình VAR nghiên cứu được thể hiện ở hình 1.

	D(LOG(GR...))	D(LOG(NLT))	D(LOG(CX))	D(LOG(DV))
D(LOG(GRDP(-1)))	0.739544 (2.49544) [0.29636]	0.439567 (1.88371) [0.23335]	0.922263 (4.35642) [0.21170]	0.374744 (2.72606) [0.13747]
D(LOG(GRDP(-2)))	3.125953 (2.54920) [1.22625]	3.147274 (1.92429) [1.63555]	4.286280 (4.45026) [0.96315]	3.807384 (2.78479) [1.36721]
D(LOG(NLT(-1)))	0.196133 (1.28167) [0.15303]	0.235201 (0.96748) [0.24311]	0.646781 (2.23749) [0.28907]	0.162345 (1.40012) [0.11595]
D(LOG(NLT(-2)))	-1.621149 (1.36018) [-1.19186]	-1.664756 (1.02675) [-1.62138]	-2.553721 (2.37455) [-1.07546]	-2.095123 (1.48589) [-1.41001]
D(LOG(CX(-1)))	-0.302742 (0.60856) [-0.49747]	-0.228120 (0.45938) [-0.49658]	-0.686821 (1.06240) [-0.64648]	-0.097044 (0.66480) [-0.51128]
D(LOG(CX(-2)))	-0.395237 (0.53258) [-0.74211]	-0.444902 (0.40203) [-1.10665]	-0.510593 (0.92976) [-0.54917]	-0.297467 (0.58180) [-0.51128]
D(LOG(DV(-1)))	-0.161887 (0.94398) [-0.17149]	-0.012519 (0.71257) [-0.01757]	-0.036435 (1.64795) [-0.02211]	-0.221316 (1.03122) [-0.21462]
D(LOG(DV(-2)))	-1.329071 (0.99350) [-1.33777]	-1.374751 (0.74995) [-1.83311]	-2.085960 (1.73440) [-1.20270]	-1.395601 (1.08532) [-1.28589]
C	0.143158 (0.07857) [1.82196]	0.113006 (0.05931) [1.90528]	0.276178 (0.13717) [2.01340]	0.129506 (0.08584) [1.50877]

Hình 1. Ước lượng của mô hình VAR. Nguồn: Ước lượng từ mô hình.

$$\begin{aligned} D(\text{Log}(\text{GRDP})) &= 0,143158 + 0,739544 \times \\ &D(\text{Log}(\text{GRDP}(-1))) + 3,125953 \times D(\text{Log}(\text{GRDP}(-2))) + \\ &0,196133 \times D(\text{Log}(\text{NLT}(-1))) - 1,621149 \times D(\text{Log}(\text{NLT}(-2))) \\ &- 0,302742 \times D(\text{Log}(\text{CX}(-1))) - 0,395237 \times D(\text{Log}(\text{CX}(-2))) \\ &- 0,161887 \times D(\text{Log}(\text{DV}(-1))) - 1,329071 \times D(\text{Log}(\text{DV}(-2))) \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} D(\text{Log}(\text{NLT})) &= 0,113006 + 0,439567 \times \\ &D(\text{Log}(\text{GRDP}(-1))) + 3,147274 \times D(\text{Log}(\text{GRDP}(-2))) + \\ &0,235201 \times D(\text{Log}(\text{NLT}(-1))) - 1,664756 \times D(\text{Log}(\text{NLT}(-2))) \\ &- 0,228120 \times D(\text{Log}(\text{CX}(-1))) - 0,395237 \times D(\text{Log}(\text{CX}(-2))) \\ &- 0,161887 \times D(\text{Log}(\text{DV}(-1))) - 1,329071 \times D(\text{Log}(\text{DV}(-2))) \end{aligned}$$

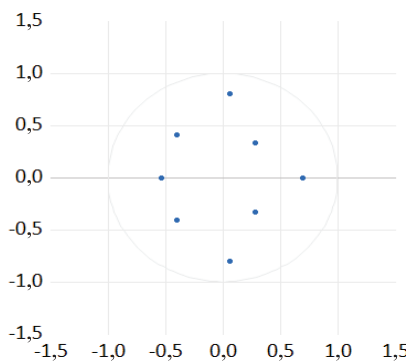
$$\begin{aligned} D(\text{Log}(\text{CX})) &= 0,276178 + 0,922263 \times \\ &D(\text{Log}(\text{GRDP}(-1))) + 4,286280 \times D(\text{Log}(\text{GRDP}(-2))) + \\ &0,646781 \times D(\text{Log}(\text{NLT}(-1))) - 2,553721 \times D(\text{Log}(\text{NLT}(-2))) \\ &- 0,686821 \times D(\text{Log}(\text{CX}(-1))) - 0,510593 \times D(\text{Log}(\text{CX}(-2))) \\ &- 0,036435 \times D(\text{Log}(\text{DV}(-1))) - 2,085960 \times D(\text{Log}(\text{DV}(-2))) \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} D(\text{Log}(\text{DV})) &= 0,129506 + 0,374744 \times \\ &D(\text{Log}(\text{GRDP}(-1))) + 3,807384 \times D(\text{Log}(\text{GRDP}(-2))) + \\ &0,162345 \times D(\text{Log}(\text{NLT}(-1))) - 2,095123 \times D(\text{Log}(\text{NLT}(-2))) \\ &- 0,097044 \times D(\text{Log}(\text{CX}(-1))) - 0,297467 \times D(\text{Log}(\text{CX}(-2))) \\ &- 0,221316 \times D(\text{Log}(\text{DV}(-1))) - 1,395601 \times D(\text{Log}(\text{DV}(-2))) \end{aligned}$$

4.4. Đánh giá độ tin cậy của mô hình

Bài báo sử dụng kiểm định tính ổn định, kiểm định tự tương quan và kiểm định phương sai để đánh giá độ tin cậy của mô hình. Kết quả các kiểm định cho thấy, mô hình đáng tin cậy, kết quả ước lượng được từ mô hình có thể tin cậy.

4.5. Kiểm tra tính ổn định của mô hình



Hình 2. Tính ổn định của mô hình. Nguồn: Ước lượng từ mô hình.

Nghiên cứu thông qua kiểm định Inverse Roots of AR Characteristic Polynomial để kiểm định tính ổn định của mô hình VAR. Hình 2 cho thấy, các giá trị riêng đều nằm trong vòng tròn đơn vị, chứng tỏ mô hình là ổn định.

4.6. Kiểm định tự tương quan

Tự tương quan là hiện tượng sai số ước lượng tại thời điểm t có tương quan với sai số ước lượng tại thời điểm $t-1$. Khi sai số ước lượng có tự tương quan sẽ làm cho mô hình nghiên cứu có thể xuất hiện hiện tượng “hồi quy giả”, các kết quả không còn đáng tin. Bài báo thông qua kiểm định Durbin-Watson để kiểm định tự tương quan, kết quả được thể hiện tại hình 3.

Null hypothesis: No serial correlation at lag h						
Lag	LRE* stat	df	Prob.	Rao F-stat	df	Prob.
1	7.322005	16	0.9665	0.411975	(16, 31.2)	0.9682
2	17.18015	16	0.3740	1.107426	(16, 31.2)	0.3897
3	14.32666	16	0.5744	0.887350	(16, 31.2)	0.5882

Null hypothesis: No serial correlation at lags 1 to h						
Lag	LRE* stat	df	Prob.	Rao F-stat	df	Prob.
1	7.322005	16	0.9665	0.411975	(16, 31.2)	0.9682
2	26.98256	32	0.7186	0.746780	(32, 23.7)	0.7818
3	72.97755	48	0.0115	1.682428	(48, 9.7)	0.1933

*Edgeworth expansion corrected likelihood ratio statistic.

Hình 3. Tự tương quan của mô hình. Nguồn: Ước lượng từ mô hình.

Kết quả hình 3 cho thấy, giá trị prob. của các biến quan sát đều lớn hơn 0,1, chứng tỏ mô hình không tồn tại tự tương quan, mô hình nghiên cứu là đáng tin cậy.

4.7. Kiểm định phương sai

Chi-sq	df	Prob.
145.8798	160	0.7812

Individual components:

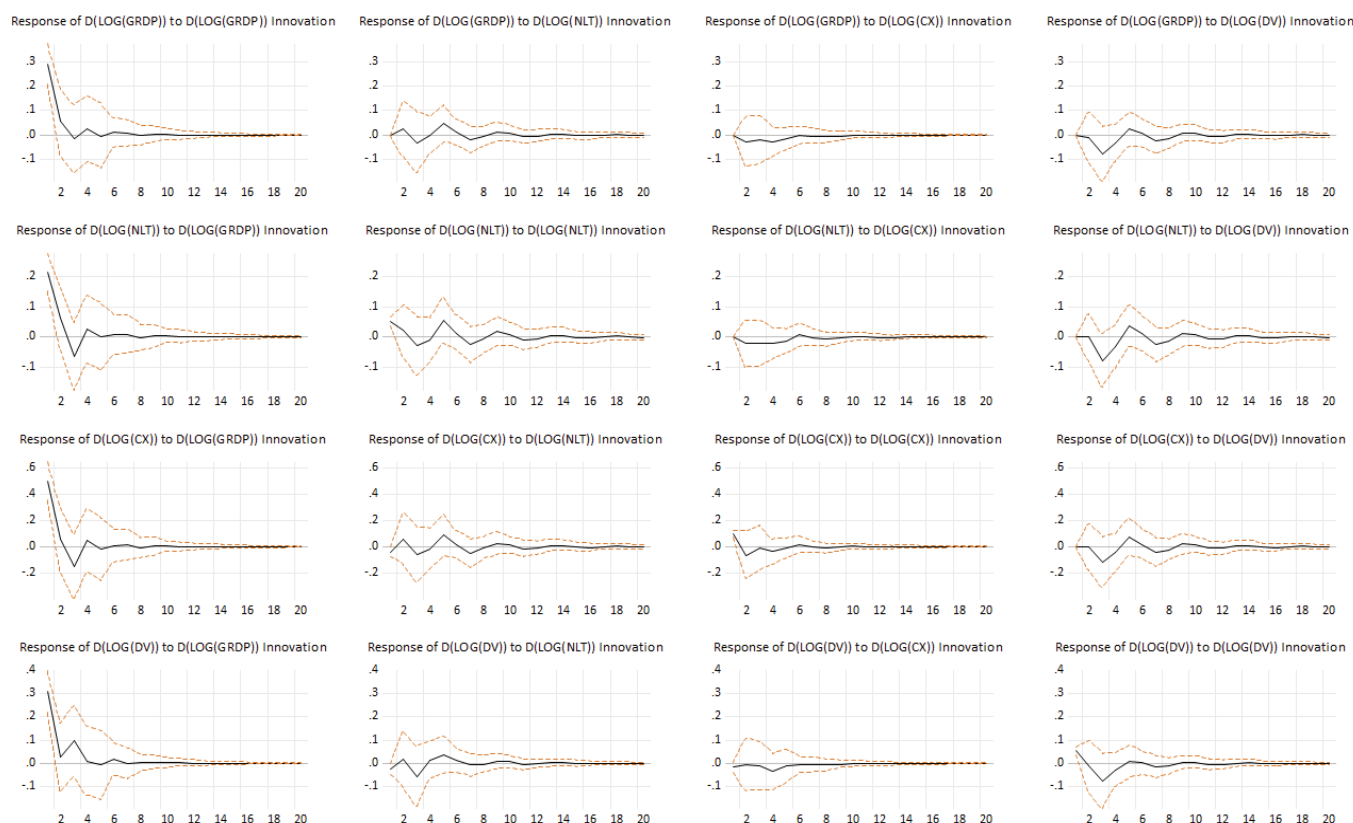
Dependent	R-squared	F(16,9)	Prob.	Chi-sq(16)	Prob.
res1*res1	0.257366	0.194940	0.9977	6.691527	0.9788
res2*res2	0.263892	0.201654	0.9973	6.861199	0.9758
res3*res3	0.264497	0.202283	0.9973	6.876920	0.9756
res4*res4	0.254428	0.191954	0.9979	6.615115	0.9800
res2*res1	0.256649	0.194209	0.9978	6.672878	0.9791
res3*res1	0.263298	0.201038	0.9973	6.845759	0.9761
res3*res2	0.265152	0.202964	0.9972	6.893946	0.9753
res4*res1	0.254430	0.191956	0.9979	6.615182	0.9800
res4*res2	0.250986	0.188488	0.9981	6.525647	0.9814
res4*res3	0.259052	0.196662	0.9976	6.735342	0.9780

Hình 4. Kiểm định phương sai. Nguồn: Ước lượng từ mô hình.

Giá trị trung bình prob. của mô hình là 0,7812 (gần tới 1), chứng tỏ mô hình VAR không có phương sai thay đổi, mô hình đề xuất nghiên cứu là đáng tin cậy (hình 4).

4.8. Kết quả ước lượng từ mô hình vector tự hồi quy

Tùy thuộc vào đặc điểm nền kinh tế của từng tỉnh, thành phố sẽ có các mô hình phù hợp để đánh giá tác động của chuyển dịch cơ cấu ngành đến tăng trưởng kinh tế. Đối với đặc điểm kinh tế của TP. Hồ Chí Minh thì việc sử dụng mô hình dữ liệu mảng là phù hợp, hay đối với tỉnh Quảng Trị thì nên sử dụng mô hình 3SLS [4, 6]. Đối với tỉnh Lào Cai, từ kết quả kiểm định ở trên cho thấy, việc sử dụng mô hình VAR hoàn toàn phù hợp, các kết quả thu được từ mô hình VAR là đáng tin cậy để đánh giá tác động của chuyển dịch cơ cấu ngành đến tăng trưởng kinh tế Lào Cai. Các tác động này được thể hiện qua kết quả của hàm phản ứng và hàm phân rã phương sai.



Hình 5. Hàm phản ứng trước các cú sốc. Nguồn: Ước lượng từ mô hình.

4.9. Phân tích hàm phản ứng

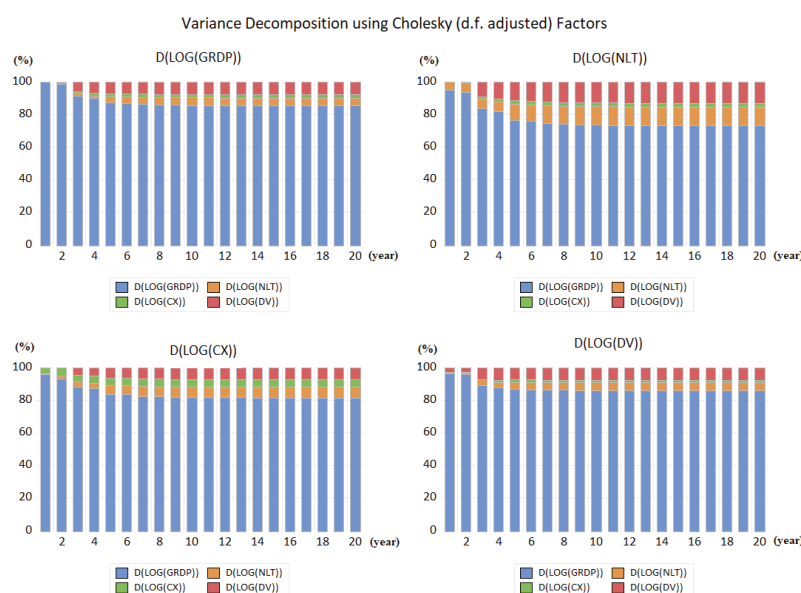
Bài báo sử dụng phương pháp Cholesky để phân tích phản ứng của kinh tế Lào Cai trước các cú sốc về chuyển dịch cơ cấu ngành, kết quả thể hiện ở hình 5.

Hình 5 cho thấy, sự chuyển dịch cơ cấu ngành tác động trực tiếp đến tăng trưởng kinh tế Lào Cai, trong đó sự chuyển dịch cơ cấu ngành ở khu vực 1 và 3 có tác động mạnh mẽ nhất, các tác động này kéo dài trong vòng 8 năm, từ năm thứ 9 trở đi không còn tác động nữa.

4.10. Phân tích phân rã phương sai

Để làm rõ hơn phản ứng của kinh tế Lào Cai trước cú sốc chuyển dịch cơ cấu ngành, tác giả tiến hành phân tích phân rã phương sai, kết quả được thể hiện ở hình 6.

Kết quả hình 6 cho thấy, sự thay đổi của tăng trưởng kinh tế Lào Cai chủ yếu là do nội sinh tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP). Chuyển dịch cơ cấu ngành có ảnh hưởng và tác động đến tăng trưởng kinh tế Lào Cai từ năm thứ 2 trở đi. Trong đó, sự thay đổi về cơ cấu ngành dịch vụ có tác động lớn nhất, sự ảnh hưởng này được bộc lộ rõ nhất ở năm thứ 3 và năm thứ 4, từ năm thứ 5 trở đi sẽ đi vào ổn định.



Hình 6. Phân tích phân rã phương sai. Nguồn: Ước lượng từ mô hình.

5. Kết luận và khuyến nghị

Theo Quyết định số 316/QĐ-TTg ngày 29/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó cơ cấu kinh tế đến năm 2030: nông - lâm - thủy sản đạt 7,7%,

công nghiệp - xây dựng chiếm 50,6%, dịch vụ - thương mại chiếm 36,0%. Trên cơ sở đánh giá thực trạng quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành đến tăng trưởng kinh tế Lào Cai, nhóm tác giả đưa ra một số khuyến nghị:

Một là, nhân rộng mô hình hợp tác xã trong nông - lâm - thủy sản. Trong Kế hoạch số 30/KH-UBND của UBND tỉnh Lào Cai ngày 20/1/2025 kế hoạch thực hiện Đề án số 01-ĐA/TU về phát triển nông, lâm nghiệp, sắp xếp dân cư, xây dựng nông thôn mới tỉnh Lào Cai, năm 2025 [8] đã chỉ ra: Phát triển chăn nuôi, sản xuất cây trồng hướng tập trung theo vùng như: cây dược liệu tập trung ở Bắc Hà, Sa Pa, Văn Bàn; cây chè tập trung tại các huyện Mường Khương, Bắc Hà, Bảo Thắng; cây chuối tập trung tại Bát Xát, Bảo Yên, Bảo Thắng và Mường Khương; cây dứa tập trung tại các huyện Mường Khương, Bảo Thắng, Bát Xát và TP. Lào Cai; vùng cây ăn quả ôn đới tập trung tại các huyện Si Ma Cai, Mường Khương, Bát Xát, Bắc Hà và thị xã Sa Pa; nuôi cá lồng trên các lưu vực sông... Việc quy hoạch vùng nuôi trồng và sản xuất tập trung làm cho mô hình hợp tác xã phát huy được ưu thế của mình. Hợp tác xã sẽ đóng vai trò là cầu nối trong việc chuyển giao các công nghệ, kỹ thuật, đồng thời cũng giúp cho sản phẩm có thể xâm nhập được vào các thị trường khó tính trong và ngoài nước. Chính vì vậy, trong thời gian tới, tỉnh Lào Cai nên nhân rộng mô hình này trong ngành nông - lâm - thủy sản, đảm bảo tất cả các hộ kinh doanh đều được tham gia vào hợp tác xã.

Hai là, phát triển du lịch gắn liền với xóa đói giảm nghèo cho cộng đồng các dân tộc thiểu số. Lào Cai được Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam đánh giá là một trong những địa phương đi đầu cả nước về phát triển du lịch cộng đồng. Nghiên cứu “Phát triển du lịch cộng đồng tại tỉnh Lào Cai” [9] đã chỉ ra các điểm du lịch cộng đồng hiện đang tập trung tại Sa Pa, Bắc Hà và từng bước mở rộng sang Bát Xát, Bảo Yên, tạo công ăn việc làm cho hơn 1500 lao động địa phương, thu nhập trung bình của các hộ từ 50 đến 70 triệu đồng/năm, góp phần xóa đói, giảm nghèo, nâng cao quyền năng cho phụ nữ dân tộc thiểu số nơi đây. Để du lịch cộng đồng phát triển mạnh hơn nữa, trong thời gian tới, tỉnh Lào Cai cần tập trung duy trì các mô hình du lịch cộng đồng đã đạt tiêu chuẩn ASEAN, đồng thời cần khảo sát, hình thành điểm du lịch cộng đồng mới đạt tiêu chuẩn ASEAN tại Y Tý - Bát Xát.

Ba là, phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Kim Thành, Lào Cai trở thành trung tâm logistics tầm cỡ quốc tế. Theo Báo cáo về chỉ số năng lực logistics theo quốc gia năm 2023 của Agility [10], Việt Nam thuộc top 10 thị trường logistics mới nổi trên thế giới. Theo Hiệp hội doanh nghiệp dịch vụ logistics Việt Nam, tốc độ tăng trưởng dịch vụ logistics của Việt Nam trong những năm gần đây đạt 14-16% [11]. Trên cơ sở phân tích các điều kiện để phát triển trở thành trung tâm logistics cho thấy, khu kinh tế cửa khẩu Kim Thành hội tụ đầy đủ các điều kiện cần như: vị trí, khả năng kết nối giao thông, nguồn quỹ đất, nguồn nhân lực, thể chế và chính sách... Tuy nhiên, chi phí logistics tại đây vẫn bị đánh giá

khá cao so với các nơi khác như Tân Thanh (Lạng Sơn) hay Móng Cái (Quảng Ninh), giá cước vận tải trung bình từ Côn Minh đến Hải Phòng là 930.000 đồng/tấn hàng hóa khô. Ngoài ra, khu kinh tế cửa khẩu Kim Thành chưa có kho bãi chuyên dụng với hệ thống máy móc, trang thiết bị hiện đại phục vụ cho việc bốc xếp hàng hóa; các hàng hóa thuộc lĩnh vực điện tử chưa được phép thông quan qua cửa khẩu Lào Cai... Chính những bất cập trên đã ảnh hưởng rất nhiều đến việc phát triển khu kinh tế cửa khẩu Kim Thành trở thành trung tâm logistics tầm cỡ quốc tế.

Trong thời gian tới, tỉnh Lào Cai cần đẩy mạnh hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng như: nâng cấp tuyến đường sắt Lào Cai - Hải Phòng, đẩy nhanh tiến độ xây dựng Cảng hàng không Sa Pa, nâng cấp tuyến đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai; xây dựng kho bãi chuyên dụng dành cho hàng hóa có tải trọng lớn 50-70 tấn; cải thiện chế độ chính sách để góp phần thúc đẩy phát triển, từng bước biến khu kinh tế cửa khẩu Kim Thành trở thành trung tâm logistics tầm cỡ quốc tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] General Statistics Office of Vietnam (1987), *Statistical Yearbook of Viet Nam 1986*, 369pp (in Vietnamese).
- [2] Y. Yi (2021), “The relationship between industrial structure and economic growth in China - An empirical study based on panel data”, *E3S Web of Conferences*, **275**, DOI: 10.1051/e3sconf/202127501009.
- [3] W.H. Ying, W.S. Kun, S. Lei (2010), “The impact of China’s industrial structure on economic growth - An empirical study based on panel data”, *Yunnan Finance & Economics University Journal of Economics & Management*, **25**(2), pp.83-86.
- [4] N.T.L. Huong (2012), *The Impact of The Transformation of The Economic Base Structure to Economic Growth in Vietnam*, PhD Thesis, National Institute for Economics and Finance, 198pp (in Vietnamese).
- [5] N.T. Son (2023), *Industry Structure Shift and Economic Growth of Quang Tri Province*, PhD Thesis, University of Economics, The University of Danang, 153pp (in Vietnamese).
- [6] M.V. Tan (2014), *Research on The Relationship Between Structural Transformation and Economic Growth in Ho Chi Minh City*, PhD Thesis, Hanoi University of Science and Technology, 216pp (in Vietnamese).
- [7] M.R. Peneder (2003), “Industrial structure and aggregate growth”, *Structural Change and Economic Dynamics*, Elsevier, **14**(4), pp.427-448.
- [8] Lao Cai Provincial People’s Committee (2025), *Plan No. 30/KH-UBND dated January 20, 2025 Implementing Project No. 01-ĐA/TU on Agricultural and Forestry Development, Population Arrangement, New Rural Area Construction in Lao Cai Province, Year 2025* (in Vietnamese).
- [9] T. Linh (2024), “Developing community tourism in Lao Cai Province”, *Lao Cai Portal*, <https://laocai.gov.vn/tin-trong-tinh/phat-trien-du-lich-cong-dong-tai-tinh-lao-cai>, accessed 18 January 2024 (in Vietnamese).
- [10] Agency of Foreign Trade (2024), *Vietnam Logistics Performance Index Improvement Report 2023* (in Vietnamese).
- [11] N. Ha (2024), “Logistics is one of Vietnam’s fastest-growing and most stable service sectors”, *VnEconomy*, <https://vneconomy.vn/logistics-la-mot-trong-nhung-nganh-dich-vu-tang-truong-nhanh-va-on-dinh-nhat-cua-viet-nam.htm>, accessed 3 December 2024 (in Vietnamese).